

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM HERO KOREA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM HERO KOREA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HERO KOREA PHARMACEUTICAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HERO KOREA., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109724787

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Liên kè 21, Lô M3, Chung cư Viện Bông, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934243668

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng;<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); | 1079     |
| 2.  | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1702     |
| 3.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1811     |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1812     |
| 5.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2023     |
| 6.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2100     |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2220     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 9.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4631     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác; Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.                                                                                                                                                     | 4632(Chính) |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn thuốc; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;                                                                             | 4649        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4723        |
| 19. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4751        |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4772        |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4789        |
| 22. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4791        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ NGÀ | Xóm 4, Thôn Thuần Lý, Xã Tân Mỹ Hà, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 36.000     | 360.000.000           | 30,000    | 183790712                                                                                   |         |
|     |                |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Tổng số                   | 36.000     | 360.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                    |                           |        |             |        |              |  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | PHẠM THỊ HUYỀN   | Thôn Kim Điền, Xã Hưng Đạo, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 24.000 | 240.000.000 | 20,000 | 030188001302 |  |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 24.000 | 240.000.000 | 20,000 |              |  |
|   |                  |                                                                                    |                           |        |             |        |              |  |
| 3 | NGUYỄN VĂN TUYẾN | Số 12A/10 Kênh Tre, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 50,000 | 030087001981 |  |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 50,000 |              |  |
|   |                  |                                                                                    |                           |        |             |        |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 183790712

Ngày cấp: 28/02/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: *Xóm 4, Thôn Thuần Lý, Xã Tân Mỹ Hà, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 4, Thôn Thuần Lý, Xã Tân Mỹ Hà, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội